

trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan Trung ương của Tổ chức chính trị, chính trị xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ
số 06/2002/QĐ-TTg ngày 07/1/2002
về việc phê duyệt Quy hoạch
tổng thể phát triển ngành giao
thông vận tải đường sắt Việt
Nam đến năm 2020.**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Bộ Giao thông vận tải (Tờ trình số 4434/GTVT-KHĐT ngày 27 tháng 12 năm 2000) và ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Công văn số 5952/BKH-CSHT ngày 04/9/2001),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải đường sắt Việt Nam đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu quy hoạch.

a) Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải đường sắt đến năm 2020 là cơ sở để đầu tư xây dựng và phát triển mạng lưới giao thông

đường sắt hợp lý và thống nhất trong cả nước, có quy mô phù hợp với từng vùng lãnh thổ, hình thành những trung tâm kết nối cơ sở hạ tầng, dịch vụ vận tải đường sắt, tạo điều kiện khai thác tiềm năng hiện có và phát triển năng lực của ngành giao thông vận tải đường sắt.

Từng bước xây dựng ngành giao thông vận tải đường sắt Việt Nam phát triển đồng bộ và hiện đại cả về các tuyến đường, nhà ga, kho, ke ga, bãi hàng, thông tin, tín hiệu; cơ sở bảo trì, sản xuất phụ kiện, vật liệu phục vụ cơ sở hạ tầng và hệ thống phương tiện vận tải, trang thiết bị xếp dỡ, hệ thống cơ khí đóng mới, lắp ráp, sửa chữa phương tiện vận tải nhằm đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hóa và hành khách với chất lượng ngày càng cao, giá thành hợp lý, tiện nghi, an toàn, nhanh chóng và hiệu quả.

b) Đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa và hiện đại hóa ngành giao thông vận tải đường sắt trên cơ sở phát huy nội lực, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm bằng mọi nguồn vốn nhằm phát triển bền vững, tăng cường năng lực của hệ thống quản lý, mở rộng hoạt động cung cấp các dịch vụ, bảo đảm an toàn giao thông, phát huy và nâng cao ưu thế sẵn có về kinh tế kỹ thuật của ngành.

2. Nội dung và quy mô các yếu tố chính của Quy hoạch.

a) Giao thông vận tải đường sắt cần chiếm tỷ trọng 25% - 30% về tấn và tấn - km, 20% - 25% về hành khách và hành khách - km trong tổng khối lượng vận tải của toàn ngành giao thông vận tải. Đến năm 2020 có tỷ trọng vận chuyển hành khách đô thị bằng đường sắt đạt ít nhất là 20% khối lượng hành khách tại các thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

b) Duy trì khổ đường sắt hiện tại, gồm các khổ đường 1.000mm, 1.435mm và đường lồng (1.000mm và 1.435mm) để nâng cấp, cải tạo đạt cấp kỹ thuật. Khi xây dựng các đoạn, tuyến đường sắt mới phải phù hợp và kết nối thuận tiện với khổ đường sắt hiện có ở khu vực đó.

Riêng đường sắt cao tốc Bắc - Nam xây dựng theo tiêu chuẩn khổ đường 1.435mm.

c) Phát triển phương tiện vận tải đường sắt theo hướng đa dạng với cơ cấu hợp lý, đổi mới sức kéo và sức chở theo hướng hiện đại, giảm chi phí, hạ giá thành, chú trọng phát triển các đoàn tàu tốc độ cao, tàu tự hành, tàu chở container,.... Áp dụng công nghệ tiên tiến trong vận tải và đóng mới phương tiện nhằm tăng tốc độ chạy tàu để đến năm 2020, tốc độ tàu hàng đạt 80 km/giờ trở lên và tốc độ tàu khách đạt 120 km/giờ trở lên.

d) Những tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định sau khi thống nhất với các cơ quan liên quan và phù hợp các quy định hiện hành.

đ) Đầu tư cơ sở hạ tầng đến năm 2020:

- Giai đoạn đến 2010:

+ Nâng cấp các tuyến đường hiện có vào cấp kỹ thuật quy định và xây dựng mới một số đoạn, tuyến, các đường nhánh nối với cảng, khu công nghiệp, khu kinh tế trọng điểm trong cả nước và kết nối với các tuyến hiện tại; ưu tiên nâng cao năng lực và hiện đại hóa trục Bắc - Nam, trục Đông - Tây; tiến hành điện khí hóa tuyến Hà Nội - Hải Phòng để làm cơ sở phát triển sức kéo điện cho giai đoạn sau.

+ Đồng thời với việc xây dựng đường sắt đô thị ở thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh phải tiến hành xây dựng mới và đồng bộ các nhà ga, các cơ sở sửa chữa, vận dụng đầu máy - toa xe.

+ Làm mới hệ thống: thông tin cáp quang, tổng đài điện tử số, tín hiệu bán tự động tiến tới tự động, ghi điện khí tập trung, dừng tàu tự động, hệ thống cảnh báo đường ngang tự động.... Tham gia thị trường viễn thông chung để tận dụng hết năng lực của ngành đường sắt.

+ Quy hoạch sắp xếp lại để phát triển các cơ sở

sản xuất vật liệu xây dựng, phụ tùng, phụ kiện cơ khí phục vụ sửa chữa, bảo trì và làm mới cơ sở hạ tầng đường sắt.

+ Nâng cấp, làm mới để từng bước hoàn chỉnh hệ thống nhà ga hành khách, ga hàng hóa ở các khu vực trọng điểm; đặc biệt lưu ý các ga hành khách tại trung tâm Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh vừa là ga trung tâm của đường sắt vừa là đầu mối trung chuyển, kết nối các loại phương tiện vận tải, đồng thời là trung tâm dịch vụ đa năng.

- Giai đoạn đến 2020:

Hoàn thành việc nâng cấp các tuyến đường sắt để đạt cấp kỹ thuật quốc gia và khu vực, xây dựng thêm một đường để thành đường đôi và điện khí hóa các tuyến Hà Nội - Vinh, Sài Gòn - Nha Trang, tiếp tục xây dựng các tuyến đường sắt mới để tạo thành mạng đường sắt đồng bộ, hoàn chỉnh đạt tiêu chuẩn hiện đại. Trên trục Bắc - Nam, ngoài tuyến đường sắt Thống Nhất hiện có cần xây dựng thêm một tuyến đường đôi riêng biệt chạy tàu khách cao tốc Bắc - Nam khổ đường 1.435mm để giảm thời gian chạy tàu từ Hà Nội đến thành phố Hồ Chí Minh xuống dưới 10 giờ và có khả năng kết nối với đường sắt liên vận quốc tế. Tiếp tục xây dựng đường sắt vành đai, nội đô các thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và một số thành phố lớn khác để tạo thành mạng lưới giao thông đô thị hoàn chỉnh và đồng bộ.

Dự kiến nhu cầu vốn đầu tư cho cơ sở hạ tầng đường sắt đến năm 2020: 98.051 tỷ VNĐ.

Trong đó: Giai đoạn từ 2001 - 2010: 23.530 tỷ VNĐ.

Giai đoạn từ 2010 - 2020: 74.521 tỷ VNĐ.

(Danh mục các công trình đầu tư giai đoạn 2001 - 2020 theo phụ lục kèm theo Quyết định này).

e) Đầu tư để phát triển kinh doanh vận tải đến năm 2020:

- Mạng lưới cơ khí công nghiệp đường sắt để đóng mới, sửa chữa, bảo trì phương tiện vận tải và trang thiết bị phải được phân bổ một cách hợp lý, đáp ứng được nhu cầu vận tải và phù hợp với sự phát triển chung của ngành cũng như quy hoạch tại các địa phương, các ngành có liên quan.

- Từ nay đến năm 2010, từng bước loại bỏ đầu máy có công suất nhỏ, cũ, lạc hậu kỹ thuật, nhập các loại đầu máy có công suất lớn từ 1.500 - 2.200 mã lực; nhập dây chuyền đại tu đầu máy diesel đồng bộ để đại tu toàn diện các loại đầu máy và tiến tới lắp ráp đầu máy trong nước.

- Phát huy nội lực tự đóng mới các loại toa xe khách chất lượng cao, hiện đại, đóng mới các loại toa xe hàng nhiều chủng loại để dùng trong nước và tiến tới xuất khẩu cho một số nước trong khu vực.

- Phát triển đóng mới các đoàn tàu tự hành.

- Hiện đại hóa cơ sở sửa chữa, đóng mới đầu máy, toa xe.

- Áp dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin tiên tiến vào công tác quản lý và điều hành vận tải.

- Sắp xếp tổ chức, nâng cao tay nghề, đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ, công nhân viên trong ngành đường sắt.

- Nhu cầu vốn đầu tư đến năm 2020: 62.870 tỷ VNĐ.

Trong đó: Giai đoạn từ 2001 - 2010: 12.870 tỷ VNĐ.

Giai đoạn từ 2010 - 2020: 50.000 tỷ VNĐ.

Điều 2. Về đầu tư và các giải pháp, chính sách chủ yếu nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển theo quy hoạch được duyệt.

a) Bộ Giao thông vận tải trình Thủ tướng Chính phủ các dự án trung hạn và dài hạn, kèm theo kiến nghị về tạo vốn đầu tư, các chính sách huy động, sử dụng vốn và các nguồn lực của

từng dự án, nhằm nhanh chóng khắc phục tình trạng lạc hậu, thiếu đồng bộ, chưa vào cấp kỹ thuật của đường sắt để đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo đảm phát triển bền vững ngành đường sắt Việt Nam.

b) Các nhóm giải pháp và chính sách chủ yếu:

- Để đẩy nhanh sự phát triển của ngành đường sắt cần đầu tư trong thời gian ngắn một lượng vốn lớn và tập trung vào các dự án trọng điểm.

- Đối với từng dự án cụ thể, ngành đường sắt được vay tín dụng từ Quỹ hỗ trợ phát triển hoặc các nguồn tín dụng khác với lãi suất phù hợp chính sách ưu đãi trong từng thời kỳ để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, đổi mới phương tiện vận tải hoặc trang thiết bị chuyên ngành, áp dụng công nghệ mới.

- Nhà nước có chính sách về kinh tế - xã hội thông qua giá cước, bù giá, trợ giá, v.v... đối với những tuyến đường bị lỗ trong khai thác vận tải nhưng vẫn duy trì chạy tàu phục vụ dân sinh, an ninh, quốc phòng.

- Đường sắt Việt Nam là đường sắt quốc gia, cần sớm xây dựng hệ thống tổ chức và cơ chế tổng quát theo mô hình tổng công ty nhà nước.

Điều 3. Quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch.

a) Bộ Giao thông vận tải chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về quản lý và tổ chức thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải đường sắt Việt Nam đến năm 2020 và phê duyệt các quy hoạch chi tiết phát triển đường sắt từng chuyên ngành, từng giai đoạn và từng khu vực phù hợp với Quy hoạch tổng thể đã duyệt.

b) Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các Bộ, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ để chủ trì hoặc phối hợp thực hiện những việc liên quan đến Quy hoạch tổng thể được duyệt.

c) Các tỉnh, thành phố trong cả nước, đặc biệt là các địa phương có đường sắt đi qua có trách nhiệm đóng góp, bảo vệ đường sắt.

d) Liên hiệp Đường sắt Việt Nam có trách nhiệm quản lý, khai thác các công trình cơ sở hạ tầng, phương tiện vận tải, cơ sở công nghiệp, trang thiết bị và các dịch vụ khai thác đường sắt theo quy hoạch được duyệt và các quy định hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 5. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Bộ

trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Tổng giám đốc Liên hiệp Đường sắt Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHAI

Phụ lục

DANH MỤC QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT ĐẾN NĂM 2020

(ban hành kèm theo Quyết định số 06/2002/QĐ-TTg
ngày 07/1/2002 của Thủ tướng Chính phủ).

Thứ tự	Danh mục	Nhu cầu đầu tư (triệu đồng)		Ghi chú
		2001 - 2010	2011 - 2020	
	Tổng số	23.530.075	74.521.605	
A	Nâng cấp các tuyến đường sắt hiện tại	14.017.675		
1	Tuyến Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh	10.308.480		
2	Tuyến Hà Nội - Lào Cai	1.620.000		
3	Tuyến Hà Nội - Hải Phòng	1.123.500		
4	Tuyến Hà Nội - Đồng Đăng	294.695		
5	Tuyến Kép - Hạ Long	572.000		
6	Tuyến Đông Anh - Quán Triều	60.100		
7	Tuyến Kép - Lưu Xá	38.900		
B	Xây dựng mới các đoạn, tuyến	643.400	3.591.000	
1	Hạ Long - Cái Lân	140.800		
2	Yên Viên - Phả Lại	411.600		
3	Đường sắt nối vào các cụm cảng	91.000	65.000	
4	Đường sắt Sài Gòn - Vũng Tàu		1.509.200	
5	Đường sắt Sài Gòn - Lộc Ninh		968.800	
6	Đường sắt Sài Gòn - Mỹ Tho - Cần Thơ		648.000	
7	Đường sắt Thái Nguyên - Yên Bái		400.000	
8	Dĩ An - Chơn Thành - Đắc Nông			
9	Vũng Áng - Mụ Dạ			
10	Đông Hà - Lao Bảo			

Đầu tư một phần
Đầu tư một phần
Khai thác Bô xít
Tùy thuộc đường
sắt xuyên Á

C	Đường sắt đô thị, đầu mối, nội đô	8.869.000	42.446.105	
1	Đường sắt đô thị Hà Nội:			
	Đường sắt trên cao Yên Viên - Văn Điển	5.000.000		
2	Đường sắt đô thị thành phố Hồ Chí Minh:			
	Đường sắt trên cao Bình Triệu - Hòa Hưng	3.869.000		
3	Đường sắt đầu mối Hà Nội		6.511.008	
4	Đường sắt nội đô Hà Nội		9.516.872	
5	Đường sắt đầu mối thành phố Hồ Chí Minh		11.640.225	
6	Đường sắt nội đô thành phố Hồ Chí Minh		14.778.000	
D	Nâng cao năng lực, hiện đại hóa		28.484.500	
1	Đường sắt Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh		14.078.000	
2	Đường sắt Bắc - Nam khổ 1.435mm		6.808.000	
3	Đường sắt Hà Nội - Yên Viên - Phả Lại - Hải Phòng		3.350.000	
4	Đường sắt Hà Nội - Lào Cai		4.248.500	

CÁC BỘ

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

QUYẾT ĐỊNH số 111/2001/QĐ-BNN

ngày 23/11/2001 về việc thành lập
Ban chỉ đạo phòng cháy, chữa
cháy rừng và ban hành Quy chế
hoạt động của Ban Chỉ đạo phòng
cháy, chữa cháy rừng.

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Luật Bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy;

*Căn cứ Nghị định số 73/CP ngày 01/11/1995
của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ,
quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nông
nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Nghị định số 22/CP ngày 09/3/1995
của Chính phủ ban hành Bản quy định về phòng*

*cháy, chữa cháy rừng và Chỉ thị số 19/1998/CT-TTg
ngày 17/4/1998 của Thủ tướng Chính phủ về các
biện pháp cấp bách phòng và chữa cháy rừng;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm lâm,
Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ;*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban chỉ đạo phòng cháy,
chữa cháy rừng thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát
triển nông thôn, sau đây viết là Ban chỉ đạo gồm
các ông, bà sau đây:

1. Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển
nông thôn phụ trách khối lâm nghiệp làm Trưởng
ban Ban chỉ đạo.

2. Cục trưởng Cục Kiểm lâm làm Phó trưởng
ban Ban chỉ đạo.

3. Các Thủ trưởng các đơn vị sau đây làm
thành viên Ban chỉ đạo:

- Vụ Kế hoạch và quy hoạch,
- Cục Phát triển lâm nghiệp,
- Cục Định canh định cư và vùng kinh tế mới,